

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 25/04/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định này thay thế Quyết định số 70/QĐ-SXD ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các phòng, đơn vị có liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở KHCN (để b/c);
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Hoàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

SỞ XÂY DỰNG TỈNH SÓC TRĂNG

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Xây dựng Sóc Trăng
phù hợp Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 đối với hoạt động của Sở Xây dựng**
*(Theo phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 73/QĐ-SXD
ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Giám đốc Sở Xây dựng)*

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Sóc Trăng, ngày 04 tháng 8 năm 2023

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN MINH HOÀNG

**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ XÂY DỰNG SÓC TRĂNG ĐƯỢC
CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN ISO 9001:2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 73/QĐ-SXD ngày 04 tháng 8 năm 2023
của Giám đốc Sở Xây dựng Sóc Trăng)*

Số thứ tự	Tên thủ tục hành chính	MÃ KÝ HIỆU	ĐANG ÁP DỤNG	GHI CHÚ
I	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng			
1.	Cấp giấy phép xây dựng công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án)	QT-QHKT 01	x	
2.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án)	QT-QHKT 02	x	
3.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án)	QT-QHKT 03	x	
4.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án)	QT-QHKT 04	x	
5.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa,	QT – QHKT 05	x	

	cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án)			
6.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án)	QT – QHKT 06	x	
7.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	QT-KT 02	x	
8.	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	QT-KT 04	x	
9.	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C	QT-QLXD 19	x	
10.	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, nhóm C	QT-QLXD 20	x	
11.	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu	QT-QLXD 01	x	
12.	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	QT-QLXD 02	x	
13.	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	QT-QLXD 03	x	
14.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)	QT-QLXD 04	x	
15.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (do lỗi của cơ quan cấp)	QT-QLXD 05	x	
16.	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	QT-QLXD 06	x	
17.	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân người nước ngoài	QT-QLXD 07	x	
18.	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	QT-QLXD 08	x	

	lần đầu			
19.	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (do mất, hư hỏng)	QT-QLXD 09	x	
20.	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (do lỗi của cơ quan cấp)	QT-QLXD 10	x	
21.	Gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	QT-QLXD 11	x	
22.	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	QT-QLXD 12	x	
II.	Lĩnh vực Quy hoạch kiến trúc			
1.	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	QT-QLXD 13	x	
2.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)	QT-QLXD 14	x	
3.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp	QT-QLXD 15	x	
4.	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	QT-QLXD 16	x	
5.	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	QT-QLXD 17	x	
6.	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	QT-QLXD 18	x	
7.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	QT-QHĐT 01	x	
8.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	QT-QHĐT 02	x	
9.	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	QT-QHĐT 03	x	
III	Lĩnh vực Nhà ở			

1	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP (<i>sửa đổi, bổ sung</i>)	QT-01/QLNO	x	
2	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP (<i>sửa đổi, bổ sung</i>)	QT-02/QLNO	x	
3	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP (<i>sửa đổi, bổ sung</i>)	QT-03/QLNO	x	
4	Công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại được chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư)	QT-04/QLNO	x	
5	Gia hạn thời gian sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	QT-05/QLNO	x	
6	Thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	QT-06/QLNO	x	
7	Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước (<i>sửa đổi, bổ sung</i>)	QT-07/QLNO	x	
8	Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước (<i>sửa đổi, bổ sung</i>)	QT-08/QLNO	x	
9	Thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội	QT-09/QLNO	x	
10	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	QT-03/NO	x	
11	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	QT-05/NO	x	
12	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	QT-10/NO	x	

13	Công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư	QT-12/NO	x	
14	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư	QT-13/NO	x	
IV	Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản			
1.	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc đầu tư	QT-01/TTBĐS	x	
2.	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	QT-02/KDBĐS	x	
3.	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	QT-03/KDBĐS	x	
V	Lĩnh vực Vật liệu xây dựng			
1.	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	QT-KT 01	x	
VI	Lĩnh vực Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng			
1.	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng	QT-QLXD 21	x	
2.	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	QT-QLXD 22	x	
3.	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng)	QT-QLXD 23	x	
VII	Lĩnh vực Giám định tư pháp xây dựng			
1.	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư	QT-QLXD 24		

	pháp xây dựng ở địa phương			
2.	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	QT-QLXD 25		
VIII	Lĩnh vực Hải quan (01 TT)			
1.	Thủ tục Xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 10 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên thuộc nhóm 98.22	QT-KT 03		
IX	Lĩnh vực Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng			
1.	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	QT-01/TNXD		
2.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	QT-02/TNXD		
3.	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)	QT-03/TNXD		
4.	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây	QT-04/TNXD		

	dụng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)			
Tổng số: 59 thủ tục.				